

Ngày 31/03/2025	20,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.0%	-9.5%	-19.0%

2024	
ROE	13.3%
	+/- YoY ▼ 7.3%

Q1/25	
DT thuần	58.3
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 89.7% ▼ 60.6%
	YoY ▼ 8.40% ▼ 12.6%

2024	
DT thuần	364
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 9.00% ▼ 2.3%

Q1/25	
LN gộp	12.5
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 18.0% ▼ 59.2%
	YoY ▼ 3.10% ▼ 20.2%

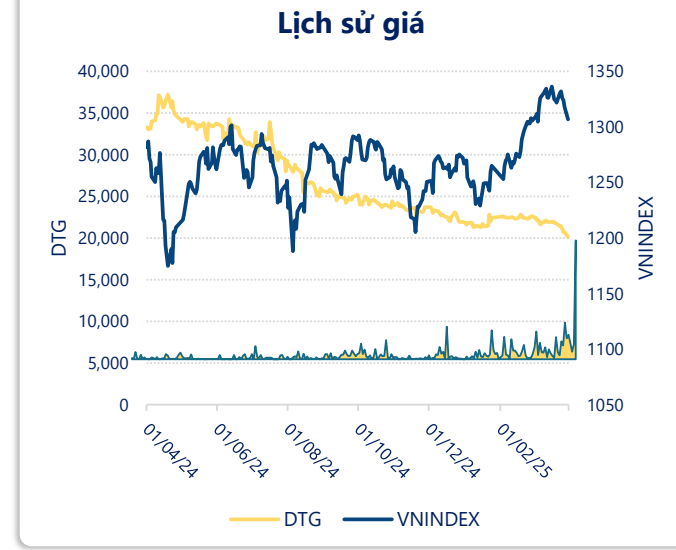
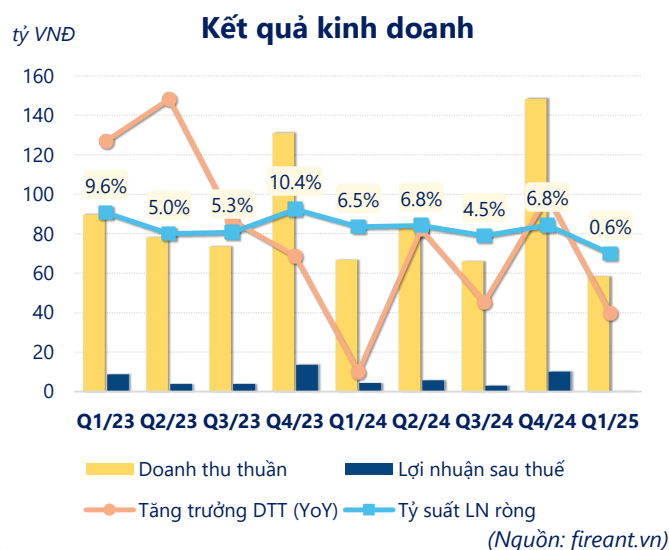
2024	
LN gộp	77.9
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 9.80% ▼ 11.1%

Q1/25	
LN thuần	0.39
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 12.8% ▼ 97.1%
	YoY ▼ 4.67% ▼ 92.4%

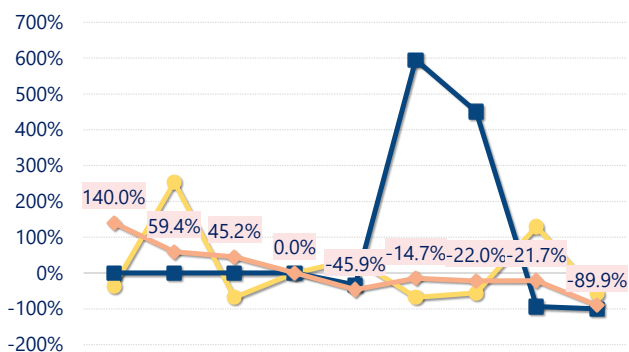
2024	
LN thuần	28.6
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 8.40% ▼ 22.8%

Q1/25	
LN sau thuế	0.35
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 9.75% ▼ 96.6%
	YoY ▼ 3.96% ▼ 91.9%

2024	
LN sau thuế	23.1
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 7.50% ▼ 24.5%



Tăng trưởng lợi nhuận

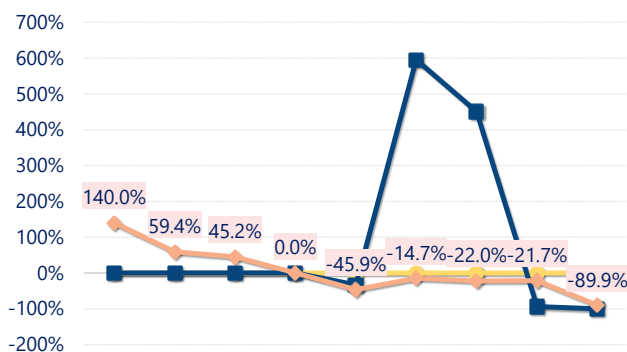


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

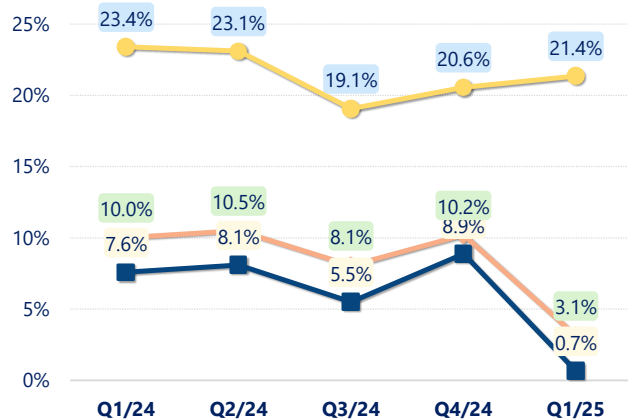


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

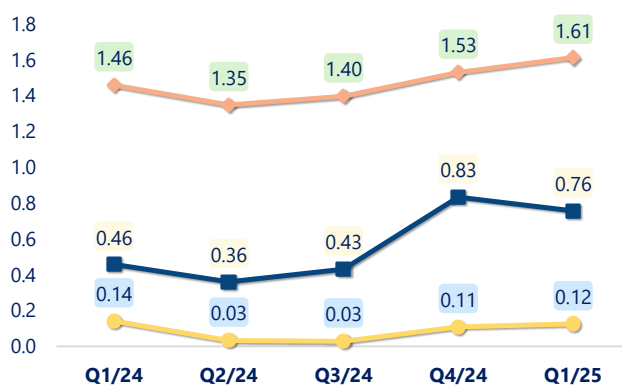
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN góp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

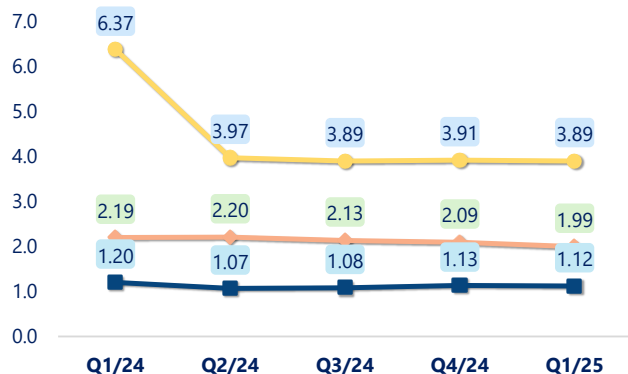
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

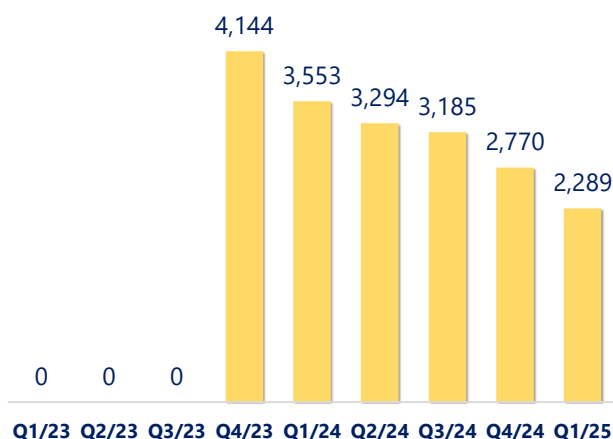
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	58.3	66.7	-12.6%	364	373	-2.3%
Giá vốn hàng bán	45.8	51.1	-10.3%	286	285	0.5%
Lợi nhuận gộp	12.5	15.6	-20.2%	77.9	87.7	-11.1%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.01	1351%	0.31	0.09	252%
Chi phí TC	1.39	1.59	-12.3%	6.03	8.01	-24.7%
Chi phí lãi vay	1.39	1.51	-7.7%	6.83	6.53	4.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.53	2.74	-7.6%	12.3	14.2	-12.9%
Chi phí QLDN	8.29	6.24	32.8%	31.2	28.5	9.5%
LN thuần từ HĐKD	0.39	5.06	-92.4%	28.6	37.0	-22.8%
Lợi nhuận khác	0.05	0.11	-55.7%	0.44	0.65	-31.8%
LN trước thuế	0.44	5.18	-91.6%	29.0	37.7	-23.0%
Lợi nhuận sau thuế	0.35	4.31	-91.9%	23.1	30.6	-24.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0.35	4.37	-92.0%	23.1	30.6	-24.5%

(Nguồn: fireant.vn)

